

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 31/8/2023

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Nguyễn Thế Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ. Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2023/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023. Về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Mai Xuân T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện E, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Bị đơn:** Bà Vũ Thị O, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện E, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

Nội dung vụ án như sau:

Ông Mai Xuân T kết hôn với bà Vũ Thị O trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đ vào năm 2013.

Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, không còn yêu thương và chăm sóc cho nhau nên ông Mai Xuân T có nguyện vọng được ly hôn với bà Vũ Thị O

*** Về con chung:** Không có

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Không có

Đối với bị đơn bà Vũ Thị O xác định quá trình chung sống hai vợ chồng không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Do điều kiện phải đi làm ăn xa nên bà O không thể tham gia giải quyết vụ án, không thể tham gia phiên tòa xét xử nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà O đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và HĐXX đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cho ông Mai Xuân T được ly hôn với bà Vũ Thị O

* *Về con chung:* Không có

* *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

- Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đơn khởi kiện của ông Mai Xuân T, Tòa án nhân dân huyện E xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện E thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự:* Tòa án nhân dân huyện E đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Ông Mai Xuân T kết hôn với bà Vũ Thị O trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đ vào năm 2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, không còn yêu thương và chăm sóc cho nhau nữa nên ông T có nguyện vọng được ly hôn với bà O.

Bà O cũng đã xác định quá trình chung sống hai vợ chồng không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Do điều kiện phải đi làm ăn xa nên bà O không thể tham gia giải quyết vụ án, không thể tham gia phiên tòa xét xử nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân T, cho ông Mai Xuân T được ly hôn với bà Vũ Thị O.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí nguyên đơn ông Mai Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Mai Xuân T

- Về quan hệ hôn nhân: ông Mai Xuân T được ly hôn với bà Vũ Thị O

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Về án phí: Ông Mai Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001137, ngày 29/06/2023.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã C
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương